

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện Như Thanh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4
năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số
06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về
quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số
10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về
quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 sửa
đổi, bổ sung các Nghị định lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của
UBND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp Văn phòng
Hạt Kiểm lâm huyện Như Thanh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8610/SXD-HĐXD
ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Hạt
Kiểm lâm huyện Như Thanh (kèm theo hồ sơ Dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện
Như Thanh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện Như Thanh.

2. Chủ đầu tư: Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa.

3. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty Cổ
phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng T-Light.

4. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện Như Thanh tại thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh.

5. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm C, công trình dân dụng, cấp III.

6. Số bước thiết kế: 01 bước.

7. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Công văn số 8279/SXD-HĐXD ngày 04/11/2024.

8. Mục tiêu đầu tư: Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện Như Thanh nhằm khắc phục tình trạng hư hỏng, xuống cấp công trình, đảm bảo cơ sở vật chất và điều kiện làm việc, sinh hoạt cho cán bộ, công chức, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn huyện Như Thanh.

9. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu

9.1. Hạng mục: Cải tạo nhà làm việc 01 tầng.

- Đục bỏ, trát lại toàn bộ tường, cột trong và ngoài nhà (trần, dầm giữ nguyên). Sơn lại toàn bộ tường, dầm, trần, cột trong và ngoài nhà bằng 1 nước lót 2 nước phủ.

- Bóc bỏ gạch lát nền cũ, lát lại bằng gạch kích thước (500 x 500) mm.

- Tháo dỡ, thay thế hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm hệ, kính dày 6,38 mm, trát lại khung học gỗ.

- Tháo dỡ mái tôn hiện trạng, lợp mái tôn mới bằng tôn sóng dày 0,4 mm.

- Tháo dỡ, thay mới hệ thống điện.

- Tháo dỡ, thay mới hệ thống thoát nước mái bằng ống PVC D90.

- Vệ sinh, chống thấm lại sàn mái, sê nô.

9.2. Hạng mục: Cải tạo nhà làm việc 02 tầng.

- Đục bỏ, trát lại toàn bộ tường, dầm, cột trong và ngoài nhà (trần giữ nguyên). Sơn lại toàn bộ tường, dầm, trần, cột trong và ngoài nhà bằng 1 nước lót 2 nước phủ. Tường khu vệ sinh ốp gạch kích thước (300 x 600) mm, cao 1,8 m.

- Bóc bỏ gạch lát nền, sàn cũ, lát lại bằng gạch kích thước (600 x 600) mm, nền vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước (300 x 300) mm.

- Tháo dỡ, thay thế hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm hệ, kính dày 6,38 mm, trát lại khung học gỗ.

- Tháo dỡ mái tôn hiện trạng, lợp mái tôn mới bằng tôn sóng dày 0,4 mm, lắp đặt hệ thống chống sét.

- Tháo dỡ, thay thế hệ thống điện hiện trạng.

- Tháo dỡ, thay thế hệ thống cấp nước, thiết bị vệ sinh hư hỏng.

- Vệ sinh, chống thấm lại sê nô, sàn mái.

- Phá dỡ hệ thống lan can hành lang cũ, thay mới bằng lan can sắt hộp.
- Đục lớp granito cầu thang, tam cấp, lát lại đá granite, sơn lại lan can cầu thang 1 nước lót, 2 nước phủ.
- Hệ thống PCCC thiết kế đồng bộ kèm theo.

9.3. Hạng mục: Cải tạo nhà bếp ăn.

- Đục bỏ, trát lại toàn bộ tường, cột trong và ngoài nhà. Sơn lại toàn bộ tường, cột trong và ngoài nhà bằng 1 nước lót 2 nước phủ.
- Bóc bỏ gạch lát nền cũ, lát lại bằng gạch kích thước (500 x 500) mm.
- Tháo dỡ, thay thế hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm hệ, panô kính dày 6,38 mm.
- Tháo dỡ mái tôn hiện trạng, lợp mái tôn mới bằng tôn sóng dày 0,4 mm.
- Tháo dỡ, thay thế hệ thống điện hiện trạng.
- Tháo dỡ trần nhựa hư hỏng, lắp mới trần nhựa thả.

9.4. Hạng mục: Xây mới nhà kho, vệ sinh.

- Phá dỡ nhà kho hiện trạng, đảm bảo mặt bằng thi công xây dựng mới hạng mục nhà kho, vệ sinh.
- Công trình xây mới có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước (6,7 x 12,9) m (tính từ tim đến tim), mặt bằng bố trí 02 phòng kho, phòng vệ sinh nam nữ riêng biệt. Chiều cao công trình là 6,05 m (tính từ mặt sân hoàn thiện đến đỉnh mái), cao độ nền cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,45 m. Tường xây gạch không nung, trát lán sơn hoàn thiện; tường vệ sinh ốp gạch kích thước (300 x 600) mm cao 1,8 m. Nền lát gạch ceramic kích thước (600 x 600) mm, nền vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước (300 x 300) mm, bậc cấp lát đá granite. Mái xây tường thu hồi, gác xà gồ lợp tôn chống nóng; sê nô quét chống thấm, lợp vữa tạo dốc. Hệ thống cửa đi, cửa sổ, sử dụng cửa nhôm hệ, panô kính dày 6,38 mm. Phần móng sử dụng móng đơn BTCT mác 250 dưới cột. Kết cấu khung BTCT M250 chịu lực. Các giải pháp cấp điện, cấp thoát nước, PCCC được thiết kế đồng bộ theo quy định.

9.5. Hạng mục: Xây mới nhà xe.

Công trình có quy mô 01 tầng, chiều cao công trình là 5,7 m. Phần móng sử dụng móng đơn BTCT đá 1x2 mác 250 chôn sẵn bu lông liên kết bản mã chân cột. Phần thân sử dụng hệ cột thép ống, kết cấu mái sử dụng hệ khung vì kèo, xà gồ thép hộp, mái lợp tôn 0,4 mm.

9.6. Hạng mục: Cải tạo sân, khuôn viên và một số hạng mục công trình phụ trợ.

- Đầu tư mới hạng mục sân bê tông.
- Phá dỡ và xây mới hệ thống rãnh thoát nước kết hợp hố ga B300 thu gom, đầu nổi thoát nước ra hệ thống thoát nước khu vực.
- Tường kê sân có chiều dài 21 m, thân tường xây đá hộc vữa xi măng mác 50, bố trí tầng lợp ngược. Phía trên xây lan can gạch cao 0,8 m.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công).

10. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 3.198.229.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng : 2.713.954.727 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 85.930.458 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT : 321.963.479 đồng;
- Chi phí khác : 29.115.870 đồng;
- Chi phí dự phòng : 47.264.468 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

11. Thời gian thực hiện: Năm 2024-2025.**12. Nguồn vốn:** Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh.

13. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh quản lý dự án.

14. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8610/SXD-HĐXD ngày 14/11/2024.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Như Thanh; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, CN_{HĐXD_TM.121}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án: Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Hạt Kiểm lâm huyện Như Thanh
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	Chi phí xây dựng	2.493.629.073	220.325.654	2.713.954.727
1	Nhà làm việc 1 tầng cải tạo	335.738.245	30.136.989	365.875.234
2	Nhà làm việc 2 tầng cải tạo	882.379.700	78.604.667	960.984.367
3	Nhà bếp cải tạo	222.735.687	19.783.708	242.519.395
4	Sân bê tông + rãnh nước	213.490.948	18.227.361	231.718.309
5	Nhà kho + Nhà vệ sinh (Xây mới)	753.542.438	65.660.096	819.202.534
6	Nhà xe	85.742.055	7.912.833	93.654.888
II	Chi phí quản lý dự án	85.930.458		85.930.458
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	298.521.269	23.442.210	321.963.479
1	Chi phí khảo sát địa hình	12.823.078	1.025.846	13.848.924
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	384.692	30.775	415.467
3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	128.571.515	10.285.721	138.857.236
4	Chi phí thẩm tra Bản vẽ thi công và dự toán	12.667.636	1.013.411	13.681.047
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	10.772.478	861.798	11.634.276
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	81.915.715	6.553.257	88.468.972
7	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	522.156	41.772	563.928
8	Chi phí kiểm định công trình	45.370.370	3.629.630	49.000.000
9	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định số 24/2024/NĐ-CP)	2.493.629		2.493.629
10	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định số 24/2024/NĐ-CP)	3.000.000		3.000.000
IV	Chi phí khác	28.916.380	199.490	29.115.870
1	Chi phí bảo hiểm công trình	1.994.903	199.490	2.194.393
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư số 28/2023/TT-BTC)	500.000		500.000
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định số 99/2021/NĐ-CP)	18.229.905		18.229.905
4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (TT số 10/2021/TT-BXD)	8.191.572		8.191.572
V	Chi phí dự phòng			47.264.468
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh			47.264.468
	Tổng cộng (làm tròn)			3.198.229.000